

Số: 03/2014/TTLT- BTP- NHNNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại tại các tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại;

Căn cứ Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại tại các tổ chức tín dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại liên quan đến việc yêu cầu cung cấp thông tin về số dư tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi của người có nghĩa vụ thi hành án là khách hàng (sau đây

gọi chung là thông tin của khách hàng) tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng) ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại trong thời gian thực hiện thí điểm.

2. Các quy định của Thông tư này được áp dụng trong các trường hợp:

a) Xác minh điều kiện thi hành án mà vụ việc đó thuộc thẩm quyền thi hành của các Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại.

b) Xác minh điều kiện thi hành án ngoài địa bàn quy định tại điểm a khoản này trong trường hợp người có nghĩa vụ thi hành án có tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi tại các tổ chức tín dụng ở địa phương đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Thừa phát lại.

2. Tổ chức tín dụng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại.

Điều 3. Hình thức, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin

1. Việc yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

a) Thừa phát lại có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin;

b) Thừa phát lại trực tiếp xác minh tại tổ chức tín dụng.

2. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải có các nội dung sau:

a) Căn cứ yêu cầu cung cấp thông tin (nêu rõ tên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; quyết định xác minh kèm theo các văn bản này để chứng minh và bản sao văn bản thỏa thuận xác minh về điều kiện thi hành án; quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại trực tiếp tổ chức thi hành án);

b) Thông tin về khách hàng là người có nghĩa vụ thi hành án (tên, địa chỉ trụ sở chính (trường hợp khách hàng là tổ chức); họ và tên, địa chỉ nơi cư trú và số chứng minh thư nhân dân, số hộ chiếu, nếu có (trường hợp khách hàng là cá nhân) và các thông tin cần thiết khác;

c) Các thông tin cần cung cấp trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này;

d) Thời điểm, thời hạn cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

đ) Các thông tin khác có liên quan.

3. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin kèm theo các tài liệu liên quan quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này được gửi tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại. Trường hợp thực hiện xác minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này thì Thừa phát lại phải đồng thời gửi các tài liệu trên cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện xác minh.

4. Trường hợp trực tiếp xác minh, Thừa phát lại xuất trình Giấy giới thiệu của Văn phòng Thừa phát lại, Thẻ Thừa phát lại kèm theo các tài liệu liên quan quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này và phải công bố quyết định xác minh hoặc quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại trực tiếp tổ chức thi hành án; lập biên bản về việc xác minh. Biên bản phải có chữ ký của Thừa phát lại, người cung cấp thông tin, xác nhận của tổ chức tín dụng. Nếu chưa thực hiện được ngay việc cung cấp thông tin thì phải ghi rõ lý do trong biên bản. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 bản.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh hoặc từ ngày lập biên bản xác minh, Văn phòng Thừa phát lại có trách nhiệm gửi kết quả xác minh hoặc biên bản xác minh cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại. Trường hợp thực hiện xác minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này thì Thừa phát lại phải đồng thời gửi cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện xác minh.

Điều 4. Việc cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng

1. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin thông qua biên bản xác minh (trong trường hợp xác minh trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này) hoặc bằng văn bản cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Văn bản cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm cung cấp thông tin;

b) Nội dung các thông tin cung cấp theo yêu cầu (trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này).

3. Tổ chức tín dụng có quyền từ chối cung cấp thông tin trong các trường hợp sau:

a) Vụ việc không thuộc thẩm quyền xác minh của Thừa phát lại.

b) Trong cùng một vụ việc có cùng một nội dung yêu cầu tại cùng một thời điểm đã được Chấp hành viên hoặc Thừa phát lại khác thực hiện việc xác minh.

c) Khách hàng yêu cầu cung cấp thông tin không phải là người có nghĩa vụ thi hành án thuộc thẩm quyền xác minh của Thừa phát lại.

d) Thông tin yêu cầu cung cấp ngoài phạm vi các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

đ) Hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin không đủ các tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp từ chối thì tổ chức tín dụng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 5. Trách nhiệm sử dụng và bảo mật thông tin

1. Thông tin cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thi hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và được bảo quản theo chế độ mật.

2. Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại, người yêu cầu xác minh điều kiện thi hành án và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp và sử dụng đúng mục đích kết quả xác minh theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm trao đổi với Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thí điểm về tình hình hoạt động có liên quan của các Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Văn phòng Thừa phát lại, tổ chức tín dụng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để có biện pháp giải quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2014.

2. Đối với các vụ việc các Văn phòng Thừa phát lại đã tổ chức xác minh nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực mà chưa thực hiện xong thì thực hiện theo quy định của Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đặng Thanh Bình

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



Đinh Trung Tụng

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố trực thuộc TW nơi thực hiện thí điểm chế độ Thừa phát lại;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website: Chính phủ; Bộ Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu: VT, BTP, NHNNVN.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 145 /SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, K2;
- Lưu: VT (07b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 27 tháng 01 năm 2014

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình

Nguyễn Thái Bình